

Số: 1097 /TB-ĐHBK-ĐT-SĐH

Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2019

## THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2019 - ĐỢT 2

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Khung trình độ quốc gia Việt Nam”;

Căn cứ “*Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ*” ban hành theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1924/QĐ-TTg ngày 06/10/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt *Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội*;

Căn cứ “*Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo*” ban hành theo quyết định số 22/QĐ-ĐHBK-ĐT ngày 19/10/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHBK Hà Nội,

Trường Đại học Bách khoa Hà Nội trân trọng thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2019 - đợt 2 với 32 ngành (**Phụ lục 1**) như sau:

### I. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển

### II. Hình thức và thời gian đào tạo

- Hình thức đào tạo chính quy, nghiên cứu sinh phải dành ít nhất 12 tháng theo học tập trung liên tục tại Trường ĐHBK HN trong giai đoạn 24 tháng đầu, kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.
- Thời gian đào tạo: 3 năm đối với thí sinh có bằng thạc sĩ, 4 năm đối với thí sinh có bằng đại học.

### III. Chỉ tiêu tuyển sinh

Tổng chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2019 của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội là 100 nghiên cứu sinh. Chỉ tiêu cho mỗi ngành tuyển sinh được Hội đồng tuyển sinh quyết định dựa trên số lượng hồ sơ đăng ký dự tuyển vào các ngành và năng lực đào tạo các ngành của nhà trường.

### IV. Điều kiện dự tuyển: Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có bằng thạc sĩ ngành đúng, ngành phù hợp hoặc ngành gần với ngành đăng ký dự tuyển hoặc có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên đúng hoặc phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển.  
*Lưu ý:* Nếu bằng tốt nghiệp của các cơ sở giáo dục nước ngoài cấp, phải có xác nhận bằng của Cục Quản lý chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.
- Về ngoại ngữ: Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:
  - Chứng chỉ tiếng Anh theo mục 1,2,3 **Phụ lục 2** do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

- b. Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;
- c. Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;
- d. Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm b nêu trên khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm c nêu trên khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (quy định tại Bảng tham chiếu trong **Phụ lục 2**) theo quy định tại điểm a nêu trên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).
- e. Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ để học tập và nghiên cứu khoa học tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

## V. Hồ sơ dự tuyển:

### 1. Hồ sơ (theo mẫu) gồm có:

- a. Đơn xin dự tuyển.
- b. Lý lịch khoa học.
- c. Bản sao hợp lệ (có công chứng) bằng tốt nghiệp và bằng điểm của cả hai bậc Đại học và Cao học.
- d. Xác nhận bằng của Cục Quản lý chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với bằng tốt nghiệp của các cơ sở giáo dục nước ngoài cấp.
- e. Văn bằng hoặc chứng nhận ngoại ngữ.
- f. Đề cương NC có chữ ký của người hướng dẫn (6 bản): Đề cương nghiên cứu trình bày về hướng nghiên cứu hoặc chủ đề nghiên cứu (Tổng quan về nghiên cứu liên quan, lý do chọn hướng/chủ đề nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, nhiệm vụ và kết quả nghiên cứu dự kiến).
- g. Giấy xác nhận đồng ý hướng dẫn nghiên cứu sinh.
- h. Thư giới thiệu: Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.
- i. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).
- j. Bản sao chụp các bài báo khoa học đã công bố (6 bộ).

### 2. Về thời gian:

- Đăng ký dự tuyển online từ ngày 29/05/2019 tại website: <http://sdh.hust.edu.vn/home/>
- Mẫu sò sơ đính kèm trên trang đăng ký dự tuyển online
- Lệ phí xét hồ sơ: 200.000 đồng.

- Nộp hồ sơ và lệ phí: sau khi đăng ký dự tuyển online, thí sinh nộp hồ sơ dự tuyển và lệ phí từ ngày **29/07/2019** đến hết ngày **02/08/2019** tại **Phòng Đào tạo, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội**.

- Thời gian xét tuyển NCS: từ ngày **09/09/2019** đến hết ngày **13/09/2019**.

## **VI. Thông tin liên hệ**

**Phòng Đào tạo, Trường ĐH Bách khoa Hà Nội**

Địa chỉ: Nhà C1- Phòng 315 (Bộ phận đào tạo sau đại học)

Điện thoại: 024 - 38692115 nội máy 110, 111

Website: <http://hust.edu.vn>

**KT.HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
**PGS. Trần Văn Tóp**  
(Đã ký)

## THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2019 - ĐỢT 2

### Phụ lục 1. Danh mục tên và mã ngành đào tạo bậc Tiến sĩ

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Tên chương trình đào tạo/định hướng
1	9520103	Kỹ thuật cơ khí	- Kỹ thuật cơ khí
2	9440109	Cơ học	- Cơ kỹ thuật - Cơ học vật rắn - Cơ học chất lỏng và chất khí
3	9520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	- Kỹ thuật cơ khí động lực - Kỹ thuật tàu thủy - Kỹ thuật hàng không - Hệ thống năng lượng và tự động hóa thủy khí
4	9520130	Kỹ thuật ô tô	- Kỹ thuật ô tô - Kỹ thuật động cơ nhiệt
5	9520115	Kỹ thuật nhiệt	- Kỹ thuật nhiệt
6	9520309	Kỹ thuật vật liệu	- Kỹ thuật vật liệu
7	9440122	Khoa học vật liệu	- Vật liệu kim loại và phi kim - Vật liệu điện tử - Vật liệu quang học, quang điện tử và quang tử - Kim loại học
8	9520203	Kỹ thuật điện tử	- Kỹ thuật điện tử
9	9520208	Kỹ thuật viễn thông	- Kỹ thuật viễn thông
10	9520201	Kỹ thuật điện	- Kỹ thuật điện
11	9520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
12	9480101	Khoa học máy tính	- Khoa học máy tính
13	9480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	- Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
14	9480103	Kỹ thuật phần mềm	- Kỹ thuật phần mềm
15	9480104	Hệ thống thông tin	- Hệ thống thông tin
16	9480106	Kỹ thuật máy tính	- Kỹ thuật máy tính
17	9460101	Toán học	- Toán ứng dụng - Toán giải tích - Phương trình vi phân và tích phân - Lí thuyết xác suất và thống kê toán học
18	9460117	Toán tin	- Cơ sở toán học cho tin học
19	9520301	Kỹ thuật hóa học	- Kỹ thuật hóa học: (Quá trình thiết bị công nghệ hóa học, Công nghệ các chất vô cơ,

			Vật liệu silicat, Công nghệ điện hóa và bảo vệ kim loại) - Kỹ thuật Hóa dầu và Lọc dầu - Vật liệu cao phân tử và tổ hợp
20	9440112	Hoá học	- Hóa hữu cơ - Hóa lí thuyết và hóa lí - Hóa vô cơ - Hóa phân tích
21	9420201	Công nghệ sinh học	- Công nghệ sinh học
22	9540101	Công nghệ thực phẩm	- Công nghệ thực phẩm
23	9540104	Công nghệ sau thu hoạch	- Công nghệ sau thu hoạch
24	9520320	Kỹ thuật môi trường	- Kỹ thuật môi trường
25	9540204	Công nghệ dệt, may	- Công nghệ dệt, may
26	9440103	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	- Vật lý lý thuyết và vật lý toán
27	9440104	Vật lý chất rắn	- Vật lý chất rắn
28	9520401	Vật lý kỹ thuật	- Vật lý kỹ thuật
29	9140110	Lý luận và phương pháp dạy học	- Sư phạm kỹ thuật (Sư phạm kỹ thuật điện, Sư phạm kỹ thuật điện tử, Sư phạm kỹ thuật công nghệ thông tin, Sư phạm kỹ thuật cơ khí)
30	9310101	Kinh tế học	- Kinh tế học
31	9510601	Quản lý công nghiệp	- Quản lý công nghiệp
32	9340101	Quản trị kinh doanh	- Quản trị kinh doanh

**Phụ lục 2. Bảng tham chiếu các chứng chỉ tiếng nước ngoài**

STT	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL iBT	45 – 93
2	IELTS	5 - 6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe – Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 6
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2